

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Bà Hà Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 02/4/2025; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Việt H (tên gọi khác: Không); sinh 1999 tại: Thái Nguyên.

Nơi ĐKKHKT: xóm Bầu 2, xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở: Tổ dân phố Xuân Thành, phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0010350/QĐ-XPHC ngày 28/04/2016, Công an phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 750.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 03/8/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1997; Địa chỉ: xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

3. Anh Đặng Thanh H2, sinh năm 2004; Địa chỉ: xóm D, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 2000; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 2005; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

6. Anh Trần Xuân L, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

7. Anh Trần Văn L1, sinh năm 1995; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

8. Anh Đỗ Phương N, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

10. Anh Đào Xuân T, sinh năm 2006; Địa chỉ: xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Lê Tiến P, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm G, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Anh Ngô Quốc V, sinh năm 2003; Địa chỉ: xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Bảo Á, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm G, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

4. Chị Phù Thị L2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định nên từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, Nguyễn Việt H sinh năm 1999, thường trú tại xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã tự liên hệ nhập cảnh trái phép sang Campuchia làm lao động, sau đó H quay trở lại Việt Nam. Do không tìm được việc làm như mong muốn nên H tiếp tục liên hệ với một người Trung Quốc tên “A L3” làm quản lý tại Công ty

G.Club thuộc tỉnh Sihanoukville, Campuchia và được “A L3” bố trí cho H tiếp tục nhập cảnh trái phép sang Campuchia để làm việc tại công ty trên từ cuối tháng 7/2022. Quá trình làm việc tại đây H được Lò Thị S1 (lao động người Việt Nam) làm công tác phiên dịch tại Công ty G.Club. có thông báo cho biết Công ty cần tuyển người lao động làm việc, người nào giới thiệu được người sang làm việc cho Công ty từ 08 tháng trở lên sẽ được Công ty trả cho 300USD/người (khoảng 7.500.000đ), các khoản tiền chi phí để đưa người từ Việt Nam sang Campuchia thì Công ty sẽ lo chi trả 500USD/người (tương đương khoảng 12.000.000đ), nếu không sử dụng hết số tiền đó thì người giới thiệu sẽ được giữ lại số tiền thừa để sử dụng, người lao động phải cam kết làm việc đủ 06 tháng thì mới được về nước, nếu không làm đủ 06 tháng thì phải đền bù hợp đồng cho Công ty. Về hình thức nhập cảnh thì người nào giới thiệu sẽ có trách nhiệm tổ chức, đưa đón người lao động đến khu vực cửa khẩu giáp biên giới Việt Nam - Campuchia rồi thông báo lại với quản lý Công ty. Nếu người lao động không có hộ chiếu thì được Công ty bố trí người, phương tiện tổ chức vượt biên trái phép sang Campuchia, còn người có hộ chiếu thì làm thủ tục sang Campuchia qua cửa khẩu. Sau đó Công ty sẽ bố trí người, phương tiện để đưa đón người lao động đến trụ sở Công ty G.Club làm việc.

Trong thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024 có 12 người gồm: Nguyễn Duy K, sinh năm 2003; Nguyễn Hồng S, sinh năm 1997, Đặng Thanh H2 sinh năm 2004; Nguyễn Văn M1 sinh năm 2003, Đỗ Phương N sinh năm 2003, Trần Xuân L sinh năm 2003, Trần Văn L1 sinh năm 1995, Nguyễn Văn K1 sinh năm 2005, Nguyễn Văn Q sinh năm 2001, Đào Xuân T sinh năm 2006, Ngô Quốc V sinh năm 2003, Lê Tiến P sinh năm 2003 đều là những thanh niên đang trong độ tuổi lao động, thường trú tại các xã V, xã K, xã B thuộc huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Do nợ nần hoặc không có việc làm ổn định, biết H đang làm việc tại Campuchia nên đã có liên hệ, trao đổi với H, được H rủ sang Campuchia làm việc. Khi trao đổi H có nói cho biết Công ty nơi H làm việc bên Campuchia đang tuyển lao động, công việc là sử dụng máy tính quảng cáo game đánh bạc cho Công ty, được trả lương khoảng hơn 10.000.000đ/tháng, nếu làm việc chuyên cần lương sẽ cao hơn, người nào không có hộ chiếu thì H bố trí, sắp xếp đi “chui” (ý H là xuất cảnh trái phép), người nào có hộ chiếu thì xuất cảnh hợp pháp qua cửa khẩu, chi phí đi lại, ăn ở H sẽ lo chi trả hết, không ai phải chi phí khoản tiền gì, đồng thời phải cam kết làm cho Công ty đủ 06 tháng mới được về Việt Nam như nội dung mà S1 đã thông báo nêu trên. Tiếp đó trong các ngày 17/12/2023, 01/01/2024; 15/01/2024; 17/01/2024, 20/01/2024 và 15/02/2024, Nguyễn Việt H đã 06 lần tổ chức cho 12 người nêu trên xuất cảnh từ Việt Nam sang Campuchia bằng các hoạt động cụ thể như: Thực hiện việc bố trí, sắp xếp phương tiện, bố trí nơi ăn nghỉ, mua vé máy bay từ sân bay N - Hà Nội đến sân bay T - Tp ., thuê taxi đưa đón, mua vé tàu đưa đón 12 người nêu trên di chuyển từ huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến cửa khẩu M2, tỉnh Tây Ninh, cửa khẩu H6, tỉnh Kiên Giang để sang Campuchia lao động. Khi những người này đến khu vực cửa khẩu thì được H thông báo cho S1 biết để báo cho quản lý người Trung quốc của Công ty tiếp tục bố trí, đưa đón sang Campuchia. Trong đó có 10

người gồm L, S, M1, L1, K, H2, Q, K1, T, N được bố trí, sắp xếp vượt biên trái phép qua đường mòn, đường sông gần cửa khẩu M2, H sang Campuchia; còn 02 người là V, P xuất cảnh hợp pháp sang Campuchia qua cửa khẩu M2, tỉnh Tây Ninh.

Qua việc tổ chức xuất cảnh như nêu trên, H đã được quản lý của Công ty thanh toán toàn bộ các chi phí với mức 500USD/ người, sau khi hoàn thành công việc, trừ đi các chi phí thực tế phải chi trả, H được hưởng lợi số tiền còn dư thừa là 17.000.000đ dùng tiêu sài cá nhân. Sau đó từ tháng 3/2024 đến tháng 7/2024, H và 12 người nêu trên quay trở lại Việt Nam. Trong đó chỉ có Lê Tiến P thực hiện nhập cảnh hợp pháp qua cửa khẩu Mộc Bài tỉnh M2, còn H và 11 người còn lại nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Những người mà H tổ chức đưa sang Campuchia do đều không làm việc đủ 08 tháng nên H không được nhận số tiền 300USD từ Công ty như hứa hẹn. Tất cả 12 trường hợp trên đều khai quá trình làm việc tại Công ty Ở thì không bị ép buộc, dọa nạt, đánh đập hoặc bị bán sang công ty khác.

*** Vật chứng của vụ án:** 01 (một) bì niêm phong ký hiệu **T1** bên trong có 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu **T2** bên trong có 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu **T3** bên trong có 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s Plus; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0874111222, không niêm phong.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSTN-P1, ngày 31/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Việt H về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

*** Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H từ 5 - 6 năm tù.**

*** Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo một khoản tiền từ **10 – 15** triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

*** Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 thu giữ của Nguyễn Việt H.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính là 17.000.000đ buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại 01 điện thoại di động Iphone 12 cho Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus cho Đỗ Phương N; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0874111222 cho Nguyễn Việt H quản lý, sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tuy nhiên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kiểm sát viên đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy những người tham gia tố tụng này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 3/2022 đến tháng 6/2022, Nguyễn Việt H đã 06 lần tổ chức cho 10 người Việt Nam xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia để lao động tại Công ty G.Club thuộc tỉnh Sihanoukville, Campuchia làm việc gồm: Nguyễn Duy K, Nguyễn Hồng S, Đặng Thanh H2, Nguyễn Văn M1, Đỗ Phương N, Trần Xuân L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn Q và Đào Xuân T. Việc tổ chức xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia bằng các hoạt động cụ thể như: Bố trí, sắp xếp phương tiện, bố trí nơi ăn nghỉ, mua vé máy bay từ sân bay N - Hà Nội bay đến sân bay T - Tp Hồ Chí Minh, sân bay P, tỉnh Kiên Giang, thuê xe taxi, mua vé tàu đưa đón 10 người nêu trên để di chuyển từ huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đến khu vực gần cửa khẩu M2, tỉnh Tây Ninh, cửa

khẩu H6, tỉnh Kiên Giang và đưa họ sang Campuchia lao động trái phép vào các ngày 17/12/2023, 01/01/2024, 15/01/2024, 17/01/2024, 20/01/2024 và 15/02/2024. Sau khi thực hiện trót lọt hành vi phạm tội, H được quản lý người Trung Quốc thanh toán các chi phí thực hiện và được hưởng lợi cá nhân số tiền 17.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Việt H đã phạm vào tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên và đối với 5 đến 10 người, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 349 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 120 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người; ...”

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý người xuất, nhập cảnh qua biên giới của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự xã hội Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Nguyễn Việt H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Việt Hoàng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn H3 là người có công với Nhà nước; trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình nộp một phần số tiền thu lợi bất chính (7 triệu đồng), nên bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng đảm bảo đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Xét thấy, mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà hôm nay đối với bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[6]. Về thu lợi bất chính: Bị cáo Nguyễn Việt H đã được quản lý của Công ty thanh toán toàn bộ các chi phí với mức 500 USD/người, sau khi hoàn thành công việc, trừ đi các khoản chi phí thực tế phải chi trả, H được hưởng lợi số tiền còn dư thừa là 17.000.000đ. Do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước. Ghi nhận chị Nguyễn Thị M là mẹ ruột của bị cáo H đã nộp lại số tiền 7.000.000 đồng thu lời bất chính, do đó bị cáo H còn phải nộp tiếp 10.000.000 đồng.

[7]. Trong vụ án này: Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra xác định: Từ tháng 12/2023 đến tháng 2/2024, H đã 6 lần bố trí, sắp xếp cho 12 người ở huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang Campuchia lao động trái phép, trong đó có 10 người vượt biên trái phép gồm: Nguyễn Duy K, Nguyễn Hồng S, Đặng Thanh H2, Nguyễn Văn M1, Đỗ Phương N, Trần Xuân L, Trần Văn L1, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn Q, Đào Xuân T và 02 người nhập cảnh qua cửa khẩu M2, tỉnh Tây Ninh gồm: Ngô Quốc V, Lê Tiến P rồi cả 12 người đều được đón sang Công ty G.Club thuộc tỉnh Sihanoukville, Campuchia nơi H làm việc. Sau đó từ tháng 3/2024 đến tháng 7/2024 H cùng 11 người gồm: V, L, S, M1, L1, K, H2, Q, K1, N, T thông qua người khác nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Riêng Lê Tiến P nhập cảnh qua cửa khẩu M2, tỉnh Tây Ninh. Do H và 11 người khác chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi liên quan đến xuất, nhập cảnh nên hành vi của H không cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh” quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự, còn thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Căn cứ Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, Công an tỉnh T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật là phù hợp, cụ thể: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 38/QĐ-XPHC ngày 25/3/2025, Công an tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi “*Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của pháp luật*” đối với Nguyễn Việt H.

[8]. Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS thu giữ của H, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đều xác định sử dụng vào việc liên lạc, thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 thu giữ của Nguyễn Văn M1; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s Plus thu giữ của Đỗ Phương N, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh M1, anh N quản lý, sử dụng.

- Đối với 01 sim điện thoại có số thuê bao 0874111222. Xét không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Cần buộc bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Các nội dung có liên quan khác:

- Đối với việc H nhận số tiền 165.000.000đ mà gia đình Q, K1 chuyển cho H thông qua số tài khoản của Nguyễn Phương N1 để Q, K1 về Việt Nam thì H đã nhận 5 triệu đồng cho Q theo yêu cầu của Q, H chỉ nhận 160.000.000đ để nộp cho công ty. Do trước khi tổ chức cho Q, K1 trốn sang Campuchia lao động trái phép H đã nói rõ với Q, K1 và bà H4 (mẹ Q) nếu không làm đủ 6 tháng thì phải đền bù hợp đồng cho công ty và tiền công ty bố trí cho ăn, ở đi lại. Q, K1 và bà H4 đồng ý. Vì vậy đến tháng 3/2024 sau khi sang Campuchia lao động khoảng 1 tháng thì Q, K1 xin về Việt Nam. H đã động viên Q, K1 ở lại để không phải nộp tiền cho Công ty nhưng Q, K1 không đồng ý và vẫn muốn về Việt Nam. Việc Q, K1 chuyển tiền cho H để nộp cho công ty là tự nguyện không bị ép buộc, H là người trung gian nhận tiền cho Q, K1 theo yêu cầu của người Trung Quốc để Quân K3 được về Việt Nam, H không được hưởng lợi gì. Vì vậy việc H nhận số tiền trên của gia đình Q, K3 không có dấu hiệu của tội phạm,

- Trong quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Việt H khai Lò Thị S1 sinh năm 1987, trú tại thôn A, phường T, thành phố T, Hải Phòng làm việc phiên dịch và cùng với những người Trung quốc tên A L3, A L4, J, W làm quản lý của Công ty G.Club là những người trao đổi chỉ đạo, cùng với H thực hiện việc tổ chức cho những người mà H giới thiệu, tổ chức sang Campuchia lao động trái phép nêu trên. Cơ quan điều tra đã thu thập lời khai của Lò Thị S1 nhưng S1 không thừa nhận lời khai của H và Cơ quan điều tra không có thêm tài liệu nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý đối với Lò Thị S1.

- Đối với những người Trung quốc tên A L3, A L4, J, W làm quản lý của Công ty G.Club và các đối tượng tổ chức đưa đón người xuất, nhập cảnh trái phép tại khu vực gần cửa khẩu Việt Nam – Campuchia, tổ chức cho những người Việt Nam ở lại trái phép để làm việc tại Campuchia nhưng do hiện chưa có thông tin, lai lịch của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra cũng đã thu thập lời khai của Nguyễn Việt H và các đối tượng gồm: Trần Văn Lâm sinh năm 2000, Nguyễn Văn M1 sinh năm 2003, Lưu Sỹ N2 sinh năm 2003 (đều trú tại xã V, huyện Đ), Nguyễn Việt X sinh năm 2005, Hoàng Ngọc H5 sinh năm 2005 (đều trú tại xã T, huyện Đ), Nguyễn Việt H sinh năm 2004, Trần Văn V1 sinh năm 2004 (đều trú tại xã V, huyện Đ) các đối tượng đều khai: Khoảng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 được Đặng Văn Đ sinh năm 2001, trú tại xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã 03 lần bố trí, sắp xếp để cho Nguyễn Việt H và những người nêu trên

xuất cảnh trái phép sang Campuchia để đến làm việc ở một công ty tại tỉnh Sihanoukville, sau đó tiếp tục được chuyển đến làm tại công ty khác. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được thấy hành vi của Đặng Văn Đ có dấu hiệu của tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” quy định tại Điều 349 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên lời khai giữa những người được Đ đưa vượt biên sang Campuchia lao động trái phép còn có nhiều mâu thuẫn với chứng cứ khác thu thập được, đồng thời quá trình điều tra đến nay chưa xác định được Đ đang ở đâu. Cơ quan điều tra chưa ghi được lời khai của Đặng Văn Đ nên chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Đ. Do vậy Cơ quan điều tra đã quyết định tách hành vi và các tài liệu, vật chứng có liên quan đến Đặng Văn Đ để tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. *Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H 5 (năm) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 03/8/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo H 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2.2. *Về hình phạt bổ sung:* Áp dụng khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Việt H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Việt H phải nộp lại số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

- Ghi nhận: Bà Nguyễn Thị M là mẹ của bị cáo H đã nộp số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000161 ngày 12/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo H còn phải nộp tiếp tiền thu lợi bất chính là 10.000.000 đ (Mười triệu đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone XS được niêm phong ký hiệu “T1” trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Bùi Tuấn A và đóng dấu giáp lai của Phòng KTHS Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di

động Iphone XS có số IMEI 2: 357239094847475; IMEI 1: 35729094851469, đã qua sử dụng được ký hiệu “T1” Kèm theo kết luận số: 74/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh T của Nguyễn Việt H;

- Trả lại 01 điện thoại di động Iphone 12 được niêm phong ký hiệu “T2” trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Bùi Tuấn A và đóng dấu giáp lai của Phòng KTHS Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động Iphone 12 có số IMEI 1: 355211922327907, IMEI 2: 355211922266014, đã qua sử dụng được ký hiệu “T2” Kèm theo kết luận số: 74/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh T cho Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus được niêm phong ký hiệu “T3” trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Bùi Tuấn A và đóng dấu giáp lai của Phòng KTHS Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus, tình trạng không hoạt động được niêm phong trong phong bì ký hiệu “T3” Kèm theo kết luận số: 74/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh T cho Đỗ Phương N quản lý, sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại có số thuê bao 0874111222 do Nguyễn Việt H tự nguyện giao nộp không tiến hành niêm phong.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 50 ngày 25/3/2025, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt (bà M), có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Toàn

